TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Việt.

Bà Huỳnh Như Ý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Diễm M; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Trịnh Văn H; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp Đ, xã Th, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trương Thanh X; Sinh năm: 1954; Địa chỉ: ấp Đ, xã Th, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Diễm M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Diễm M và ông Trịnh Văn H tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận

đăng ký kết hôn số 53 ngày 09/4/2015. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Bà M và ông H sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay bà M xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn, nên bà M yêu cầu ly hôn với ông H; Về con chung: Trong thời gian chung sống bà M và ông H có 02 người con chung tên là Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018. Hiện nay Nh và Kh đang sống chung với bà M, bà M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018 đến khi thành niên và yêu cầu ông Trịnh Văn H phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi con, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi các con thành niên; Về tài sản chung: Bà M yêu cầu chia đôi số tài sản chung là 05 (năm) chỉ vàng 24k. Bà M yêu cầu được nhận 1/2 (một phần hai) số tài sản chung là 2,5 (hai chỉ năm phân) vàng 24k theo giá thị trường hiện nay, tạm tính là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng); Về nợ chung: Không có, nên bà M không có yêu cầu gì. Tại bản tự khai ngày 19/8/2022 bà M xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được ly hôn với ông H, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018 đến khi thành niên, không yêu cầu ông Trịnh Văn H phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà M không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Trịnh Văn H trình bày: Ông Trịnh Văn H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M, vì ông còn thương vợ. Về con chung: Nếu ly hôn ông H thống nhất giao con chung là Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018 cho bà M nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông H sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Khi cha mẹ ông H xây nhà để cho vợ chồng ông H, bà M và các con ông sinh sống thì thiếu tiền mua vật liệu xây dựng, nên ông và bà M thống nhất đưa cho mẹ ông là bà Trương Thanh X 05 (Năm) chỉ vàng 24k để bán ra trả tiền mua vật liệu xây dựng, nên hiện nay số vàng này không còn, nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh X trình bày:

Khi gia đình bà xây nhà cho vợ chồng ông H, bà M và các con ông H, bà M sinh sống thì vợ chồng ông H và bà M có đưa cho bà số vàng 05 (Năm) chỉ vàng 24k để bán ra mua vật liệu xây dựng, chứ bà không có hỏi mượn vàng của vợ chồng ông H và bà M, vì nhà là xây cho vợ chồng ông H, bà M và các con ông H, bà M sinh sống, nên bà không thống nhất hoàn trả cho ông H và bà M 05 (Năm) chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham

gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: Giao các cháu Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018 cho bà M nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Diễm M đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Diễm M và ông Trịnh Văn H là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 02/2022 hai bên đã sống ly thân, từ khi ly thân đến nay ông bà không gặp nhau bàn bạc tìm giải pháp hàn gắn về việc hôn nhân của ông bà nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà M yêu cầu được ly hôn với ông H là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà M. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà M được ly hôn với ông H. Ông H không đồng ý ly hôn, nhưng ông H không tìm giải pháp hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên yêu cầu của ông H không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà M và ông H có 02 người con chung tên là Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018. Hiện nay, Nh và Kh đang sống chung với bà M. Bà M yêu cầu được nuôi con chung là Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018 cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa ông H cũng thống nhất giao con chung là Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018 cho bà M nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông H sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà M và ông H đã thỏa thuận được việc nuôi con. Do đó, cần xử giao cháu Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh và cháu Kh thành

niên, do bà M không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông H, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông H không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Ông H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diễm M.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Diễm M được ly hôn với ông Trịnh Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Bích Nh, sinh ngày 08/10/2015 và Trịnh Đăng Kh, sinh ngày 02/11/2018 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh và Kh thành niên. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông H không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông H không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Diễm M phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình, nhưng bà M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 925.000 đồng (*Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004089 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, hoàn trả lại cho bà Trần Thị Diễm M số tiền thừa là 625.000 đồng *(Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); Ông Trịnh Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông H, bà X biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với nguyên đơn là bà Trần Thị Diễm M không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên